

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 -8- 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Hoa.

Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Dũng T, sinh năm 1987. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Cùng nơi thường trú: Đội A, Công ty C, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; cùng nơi tạm trú: Số A, KDC D, tổ X, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Dũng T trình bày:

Ông Nguyễn Dũng T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 11 tháng 7 năm 2012.

Sau khi kết hôn, ông T và bà H sinh sống tại Số A, KDC D, tổ X, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu ông T và bà H chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng nghi ngờ sự chung thủy của nhau. Ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, tuy nhiên trong thời gian sống ly thân cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà H vẫn không thay đổi. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà H có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Vũ, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Hoàng Nam, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2013, ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà H đã khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/6/2020 bà H đồng ý ly hôn với ông T và đồng ý giao hai con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc và giáo dục, do đó Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự. Tuy nhiên ngày 27/6/2020 bà H đã có đơn thay đổi kết quả hòa giải thành ngày 26/6/2020 do bà H xác định bà còn thương ông T bà muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm lo cho con nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Dũng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà H; về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2013 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Dũng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị H nên quan hệ tranh chấp trong vụ án trên là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bà H có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số A, KDC D, tổ X, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị H theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà H vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà H trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H cho rằng còn thương yêu ông T nên bà không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì, tuy nhiên, ông T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H từ tháng 4 năm 2020 đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng vẫn ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, bỏ mặc nhau.

Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông T và bà H có hai con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2013. Tại phiên tòa ông T yêu cầu được nuôi 02 con chung, quá trình tố tụng bà H cũng yêu cầu được nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu V và cháu N đang ở chung với ông T, ông T và bà H đều ở trọ, ông T cung cấp cho Tòa án các bảng lương từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2020 thể hiện thu nhập thực nhận trung bình mỗi tháng trên 30.000.000 đồng. Bà H trình bày thu nhập mỗi tháng của bà khoảng 5.500.000 đồng nên điều kiện kinh tế có phần hạn hẹp hơn.

Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2020 của cháu V và ngày 29/6/2020 của cháu N thì các cháu đều có nguyện vọng sống chung với cha. Mặt khác, ông T có công việc và thu nhập ổn định. Bà H yêu cầu được nuôi hai con chung nhưng bà không đến Tòa án để tham gia phiên tòa nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng

cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình do đó không có căn cứ xác định được bà H có nguyện vọng nuôi hai con chung hay không. Nên để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, cần giao hai cháu V và N cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều các Điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Dũng T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Dũng T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2010 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2013 cho ông Nguyễn Dũng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Dũng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0046516 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

